

# Dell SE2419H/SE2419HX/ SE2719H/SE2719HX




## Hướng dẫn sử dụng

Model màn hình: SE2419H/SE2419HX/SE2719H/SE2719HX

Model quy định: SE2419Hf, SE2719Hf



# Lưu ý, thận trọng và cảnh báo

-  **LƯU Ý:** LƯU Ý cho biết thông tin quan trọng giúp bạn sử dụng tốt hơn.
-  **THẬN TRỌNG:** Một THẬN TRỌNG cho biết thiệt hại tiềm tàng đối với phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu không tuân thủ các hướng dẫn.
-  **CẢNH BÁO:** CẢNH BÁO cho biết khả năng hư hỏng tài sản, thương tích cá nhân hoặc tử vong.

**Bản quyền © 2018 Dell Inc. hoặc các công ty con. Tất cả các quyền được bảo lưu.** Dell, EMC và các nhãn hiệu khác là thương hiệu của Dell Inc. hoặc các công ty con của Dell Inc. Các nhãn hiệu khác có thể là thương hiệu của chủ sở hữu tương ứng.

2018 – 09

Phiên bản A01

# Mục Lục

<b>Giới thiệu về màn hình của bạn.....</b>	<b>5</b>
Thành phần đóng gói .....	5
Tính Năng Sản Phẩm .....	6
Xác định các tính năng và điều khiển .....	7
Thông số kỹ thuật màn hình .....	10
Sự tương thích Plug and Play (Cắm và Chạy).....	18
Chính sách pixel và chất lượng màn hình LCD .....	18
Hướng dẫn bảo trì.....	18
<b>Thiết lập màn hình .....</b>	<b>19</b>
Kết nối giá đỡ .....	19
Kết nối màn hình .....	21
Bố trí cáp.....	22
Tháo giá đỡ.....	22
<b>Vận hành màn hình .....</b>	<b>24</b>
Bật màn hình.....	24
Sử dụng các nút điều khiển phía trước .....	24
Sử dụng menu Hiển thị trên màn hình (OSD).....	26
Thiết lập màn hình.....	53
Sử dụng trạng thái nghỉ.....	55
<b>Xử Lý Sự Cố.....</b>	<b>56</b>

Tự kiểm tra.....	56
Chẩn đoán được tích hợp sẵn .....	58
Những vấn đề chung .....	59
Vấn đề về sản phẩm cụ thể.....	61


**Phụ lục ..... 62**

Thông báo FCC (Chỉ có ở Hoa Kỳ) và thông tin pháp lý khác .....	62
Liên hệ với Dell.....	62
Phân bổ chân .....	63

# Giới thiệu về màn hình của bạn



## Thành phần đóng gói

Màn hình của bạn vận chuyển với các thành phần được chỉ ra trong bảng. Đảm bảo rằng bạn đã nhận được tất cả các thành phần và xem [Liên hệ với Dell](#) nếu có bất kỳ điều gì bị thiếu.

 **LƯU Ý:** Một số mục có thể là tùy chọn và có thể không được giao cùng với màn hình của bạn. Một số tính năng có thể không khả dụng ở một số quốc gia nhất định.

 **LƯU Ý:** Để thiết lập với bất kỳ chân đế nào khác, hãy xem tài liệu đi kèm với chân đế.

	Màn hình theo dõi
	Bộ nâng giá đỡ
	Chân đế giá đỡ
	Cáp nguồn (thay đổi theo quốc gia)
	Cáp VGA (SE2419H và SE2719H)

	<p>Cáp HDMI (SE2419HX và SE2719HX)</p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hướng dẫn lắp đặt nhanh</li> <li>• Thông tin an toàn và quy định</li> </ul>

## Tính Năng Sản Phẩm

Màn hình phẳng Dell SE2419H / SE2419HX / SE2719H / SE2719HX có ma trận hoạt động, màn hình bóng bán dẫn dạng phim mỏng (màn hình TFT), màn hình tinh thể lỏng (màn hình LCD), chống tĩnh điện và đèn nền LED. Các tính năng của màn hình bao gồm:

- SE2419H/SE2419HX: Màn hình hiển thị có thể xem có đường chéo 60,45 cm (23,8 inch) (được đo theo đường chéo). Độ phân giải 1920 x 1080, với hỗ trợ toàn màn hình cho độ phân giải thấp hơn.
- SE2719H/SE2719HX: Màn hình hiển thị có thể xem có đường chéo 68,58 cm (27 inch) (được đo theo đường chéo). Độ phân giải 1920 x 1080, với hỗ trợ toàn màn hình cho độ phân giải thấp hơn.
- Góc nhìn rộng 178 độ theo chiều dọc và ngang..
- Tỷ lệ tương phản động cao (8.000.000: 1).
- Kết nối HDMI giúp dễ dàng kết nối với các hệ thống cũ và mới.
- Khả năng cắm và chạy nếu được hỗ trợ bởi máy tính
- Điều chỉnh hiển thị trên màn hình (OSD) là dễ dàng thiết lập và tối ưu hóa màn hình.
- Công suất dự phòng 0,5 W khi ở chế độ ngủ.
- Tối ưu hóa sự thoải mái của mắt với màn hình không nhấp nháy.
- Những ảnh hưởng lâu dài có thể xảy ra nếu phát xạ ánh sáng xanh từ màn hình có thể làm hỏng mắt, bao gồm mỏi mắt hoặc chứng mỏi mắt kỹ thuật số. Tính năng Xem thoải mái (ComfortView) được thiết kế để giảm lượng ánh sáng xanh phát ra từ màn hình để giúp tối ưu hóa sự thoải mái của mắt.
- Khe khóa bảo mật.
- Kính không chứa asen và bảng điều khiển không có thủy ngân.
- Giảm BFR/PVC (các bảng mạch bên trong màn hình của bạn được chế tạo bằng các tấm
- Tuân thủ RoHS.
- Tính năng tiết kiệm năng lượng (Energy Saver) tuân thủ Energy Star.

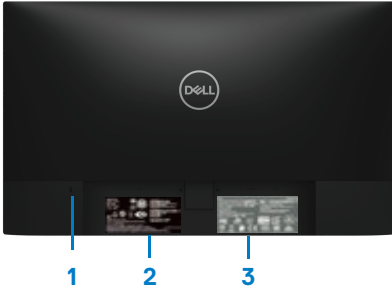
## Xác định các tính năng và điều khiển

### Mặt trước

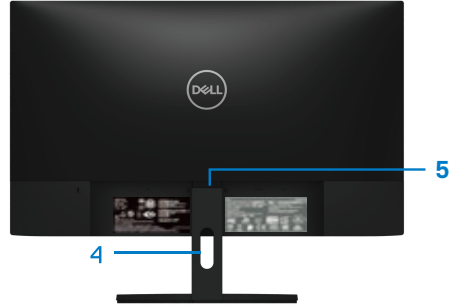


Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Nút chức năng	Để truy cập menu OSD và thay đổi cài đặt nếu cần. (Để biết thêm thông tin, hãy xem <a href="#">Sử dụng các nút điều khiển phía trước</a> )
2	Nút bật/tắt nguồn (với đèn LED)	Để bật hoặc tắt màn hình.

## Mặt phía sau



Không có giá đỡ màn hình

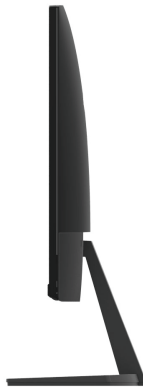


Có giá đỡ màn hình

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Khe khóa bảo mật-	Để bảo vệ màn hình bằng khóa bảo mật (được mua riêng).
2	Nhãn theo quy định, mã vạch, số sê-ri và nhãn Thẻ dịch vụ	Liệt kê các phê chuẩn quy định. Xem nhãn này nếu bạn cần liên hệ với Dell để được hỗ trợ kỹ thuật. Thẻ dịch vụ là mã nhận dạng chữ và số duy nhất cho phép các kỹ thuật viên dịch vụ của Dell xác định các thành phần phần cứng trong máy tính của bạn và truy cập thông tin bảo hành.
3	Thông tin quy định (được in chìm)	Liệt kê các phê chuẩn quy định.
4	Khe cắm quản lý cáp	Để tổ chức các loại cáp.
5	Nút gỡ giá đỡ	Gỡ giá đỡ khỏi màn hình.



## Mặt bên



Xem dưới đây, không có giá đỡ màn hình



SE2419H/SE2419HX/SE2719H/SE2719HX

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Cổng nguồn	Để kết nối cáp nguồn màn hình.
2	Cổng HDMI	Để kết nối với máy tính của bạn bằng cáp HDMI.
3	Cổng VGA	Để kết nối với máy tính của bạn bằng cáp VGA.

## Thông số kỹ thuật màn hình

Model	SE2419H/SE2419HX	SE2719H/SE2719HX
Loại màn hình	Ma trận hoạt động-TFT LCD	
Loại bảng điều khiển	Chuyển đổi trong máy bay	
Khu vực có thể xem		
Đường chéo	604,70 mm (23,81 in)	686,00 mm (27 in)
Khu vực hoạt động:		
Theo chiều ngang	527,04 mm (20,75 in)	597,89 mm (23,54 in)
Theo chiều dọc	296,46 mm (11,67 in)	336,31 mm (13,24 in)
cấp Dịch vụ	1562,46 cm <sup>2</sup> (242,15 in. <sup>2</sup> )	2010,76 cm <sup>2</sup> (311,67 in. <sup>2</sup> )
Pixel pitch	0,2745 mm	0,3114 mm
Pixel trên inch (PPI)	92	81
Góc nhìn:		
Theo chiều dọc	178° (điển hình)	
Theo chiều ngang	178° (điển hình)	
Độ sáng	250 cd/m <sup>2</sup> (điển hình)	300 cd/m <sup>2</sup> (điển hình)
Độ tương phản	1,000 tới 1 (điển hình) 8,000,000 tới 1 (Độ tương phản động)	
Lớp phủ mặt	Chống loá với độ cứng 3H	
Đèn nền	Hệ thống đèn LED cạnh	
Thời gian đáp ứng (Xám xám):		
Chế độ thông thường	8 ms	
Chế độ nhanh	5 ms	
Độ đậm của màu	16,7 triệu màu	
Gam màu	CIE 1931 (72%)	
Khả năng tương thích của trình quản lý hiển thị Dell	Có	
Khả năng kết nối	<ul style="list-style-type: none"> <li>Một cổng VGA và một cổng HDMI 1,4 (HDCP 1,4) với SE2419H / SE2419HX / SE2719H / SE2719HX</li> </ul>	
Chiều rộng mặt vít (cạnh màn hình đến khu vực hoạt động)	6,2 mm (Đỉnh) 6,2 mm (Trái/Phải) 20,5 mm (Đáy)	6,8 mm (Đỉnh) 6,8 mm (Trái/Phải) 21,1 mm (Đáy)
Bảo mật	Khe khóa bảo mật cho khóa cáp (tùy chọn mua)	
Góc nghiêng	-5° đến 21°	

## Thông số độ phân giải

Model	SE2419H/SE2419HX	SE2719H/SE2719HX
Phạm vi quét ngang	30 kHz đến 83 kHz (tự động)	
Phạm vi quét dọc	56 Hz đến 76 Hz (tự động)	
Độ phân giải đặt trước tối đa	1920 x 1080 tới 60 Hz	

## Chế độ hiển thị cài đặt trước

### SE2419H/SE2419HX/SE2719H/SE2719HX

Chế độ hiển thị	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Đồng hồ pixel (MHz)	Đồng bộ phân cực (ngang/dọc)
VESA, 720 x 400	31,5	70,1	28,3	-/+
VESA, 640 x 480	31,5	60,0	25,2	-/-
VESA, 640 x 480	37,5	75,0	31,5	-/-
VESA, 800 x 600	37,9	60,3	40,0	+/+
VESA, 800 x 600	46,9	75,0	49,5	+/+
VESA, 1024 x 768	48,4	60,0	65,0	-/-
VESA, 1024 x 768	60,0	75,0	78,8	+/+
VESA, 1152 x 864	67,5	75,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	64,0	60,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	80,0	75,0	135,0	+/+
VESA, 1600 x 900	60,0	60,0	108,0	+/+
VESA, 1920 x 1080	67,5	60,0	148,5	+/+

## Thông số kỹ thuật Điện

<b>Model</b>	<b>SE2419H/SE2419HX SE2719H/SE2719HX</b>
Tín hiệu đầu vào video	<ul style="list-style-type: none"> <li>• RGB Analog: 0,7 Volts <math>\pm</math> 5 %, trở kháng đầu vào 75 ohm</li> <li>• HDMI 1,4 (HDCP 1,4), 600mV cho mỗi dòng vi sai, trở kháng đầu vào 100 ohm trên mỗi cặp vi sai</li> </ul>
Tín hiệu đầu vào đồng bộ hóa	Đồng bộ hóa ngang và dọc riêng biệt, mức TTL không phân cực, SOG (Composite SYNC trên màu xanh lục)
Điện áp đầu vào / tần số / hiện tại AC	100 VAC đến 240 VAC/50 Hz hoặc 60 Hz $\pm$ 3 Hz / 1,5 A
Dòng khởi động	30A (Đầu vào AC 120V) 60A (Đầu vào AC 240V)

## Đặc điểm vật lý

<b>Model</b>	<b>SE2419H/SE2419HX SE2719H/SE2719HX</b>	
Loại cáp tín hiệu: Analog (Ăng ten) Kỹ thuật số	D-Sub (VGA), 15 chân; HDMI, 19 chân	
Kích thước (có giá đỡ):	<b>SE2419H/SE2419HX</b>	<b>SE2719H/SE2719HX</b>
Chiều cao	413,6 mm (16,28 in)	454,2 mm (17,88 in)
Chiều rộng	539,4 mm (21,24 in)	611,5 mm (24,07 in)
Chiều sâu	152,8 mm (6,02 in)	186,8 mm (7,35 in)
Kích thước (Không có giá đỡ):	<b>SE2419H/SE2419HX</b>	<b>SE2719H/SE2719HX</b>
Chiều cao	323,1 mm (12,72 in)	364,2 mm (14,34 in)
Chiều rộng	539,4 mm (21,24 in)	611,5 mm (24,07 in)
Chiều sâu	46,4 mm (1,83 in)	46,4 mm (1,83 in)
Kích thước giá đỡ:	<b>SE2419H / SE2419HX</b>	<b>SE2719H / SE2719HX</b>
Chiều cao	171,6 mm (6,76 in)	176,7 mm (6,96 in)
Chiều rộng	249,0 mm (9,80 in)	257,2 mm (10,13 in)
Chiều sâu	152,8 mm (6,02 in)	186,8 mm (7,35 in)

Trọng lượng:	<b>SE2419H/SE2419HX</b>	<b>SE2719H / SE2719HX</b>
Gồm bao bì	5,59 kg (12,32 lb)	7,14 kg (15,74 lb)
Cả giá đỡ và dây cáp	3,91 kg (8,62 lb)	5,09 kg (11,22 lb)
Không có giá đỡ và dây cáp	3,13 kg (6,90 lb)	4,24 kg (9,35 lb)
Trọng lượng giá đỡ	0,52 kg (1,15 lb)	0,59 kg (1,30 lb)

## Đặc điểm môi trường

Model	SE2419H/SE2419HX	SE2719H/SE2719HX
Nhiệt độ:		
Hoạt động	0°C đến 40°C (32°F đến 104°F)	
Không hoạt động		
Bảo Quản	<ul style="list-style-type: none"> <li>-20°C đến 60°C (-4°F đến 140°F)</li> </ul>	
Giao nhận	<ul style="list-style-type: none"> <li>-20°C đến 60°C (-4°F đến 140°F)</li> </ul>	
Độ ẩm:		
Hoạt động	10% đến 80% (không ngưng tụ)	
Không hoạt động		
Bảo Quản	<ul style="list-style-type: none"> <li>5% đến 90% (không ngưng tụ)</li> </ul>	
Giao nhận	<ul style="list-style-type: none"> <li>5% đến 90% (không ngưng tụ)</li> </ul>	
Độ cao:		
Hoạt động (tối đa)	5.000 m (16.400 ft)	
Không hoạt động (tối đa)	12.192 m (40.000 ft)	
Tản nhiệt	75,1 BTU/giờ (tối đa) 58,0 BTU/giờ (điển hình)	99,0 BTU/giờ (tối đa) 78,5 BTU/giờ (điển hình)

## Chế độ quản lý năng lượng

Nếu có thể, họa hoặc phần mềm tuân thủ DPM của VESA được cài đặt trên máy tính của bạn, màn hình có thể tự động giảm mức tiêu thụ điện năng khi không sử dụng. Điều này được gọi là chế độ tiết kiệm điện\*. Nếu máy tính phát hiện đầu vào từ bàn phím, chuột hoặc các thiết bị đầu vào khác, màn hình sẽ tự động tiếp tục hoạt động. Bảng sau đây cho thấy mức tiêu thụ điện năng và tín hiệu của tính năng tiết kiệm điện tự động này.

\* Tiêu thụ điện năng về 0 ở chế độ tắt bằng cách ngắt kết nối cáp nguồn khỏi màn hình.

### SE2419H/SE2419HX

Chế độ VESA	Đồng bộ chiều ngang	Đồng bộ chiều dọc	Video	Chỉ báo nguồn	Mức tiêu thụ điện năng
Hoạt động bình thường	Hoạt động	Hoạt động	Hoạt động	Màu trắng	22 W (tối đa) 17 W (điển hình)
Chế độ tắt hoạt động	Không hoạt động	Không hoạt động	Bị trống	Màu trắng (Sáng rực lên)	Ít hơn 0,5 W
Tắt	-	-	-	Tắt	Ít hơn 0,3 W

Energy star (Ngôi sao năng lượng)	Mức tiêu thụ điện năng
P <sub>ON</sub>	17,1 W
E <sub>TEC</sub>	54,15 kWh

## SE2719H/SE2719HX

Chế độ VESA	Đồng bộ chiều ngang	Đồng bộ chiều dọc	Video	Chỉ báo nguồn	Mức tiêu thụ điện năng
Hoạt động bình thường	Hoạt động	Hoạt động	Hoạt động	Màu trắng	29 W (tối đa) 23 W (điển hình)
Chế độ tắt hoạt động	Không hoạt động	Không hoạt động	Bị trống	Màu trắng (Sáng rực lên)	Ít hơn 0,5 W
Tắt	-	-	-	Tắt	Ít hơn 0,3 W

Energy star (Ngôi sao năng lượng)	Mức tiêu thụ điện năng
P <sub>ON</sub>	20,3 W
E <sub>TEC</sub>	64,05 kWh

## LƯU Ý:

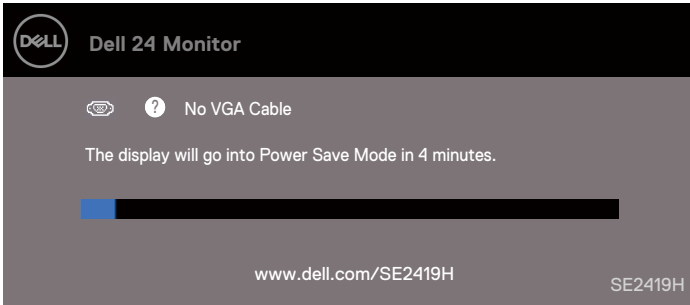
**P<sub>ON</sub>:** Công suất tiêu thụ của chế độ trên được xác định trong Energy Star.

**E<sub>TEC</sub>:** Tổng mức tiêu thụ năng lượng tính bằng kWh như được định nghĩa trong Energy Star.

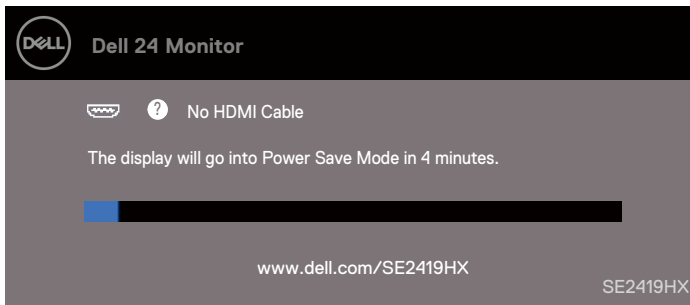
Tài liệu này chỉ mang tính thông tin và phản ánh hiệu quả trong điều kiện phòng thí nghiệm. Sản phẩm của bạn có thể hoạt động khác nhau, tùy thuộc vào phần mềm, linh kiện và thiết bị ngoại vi bạn đã đặt hàng và không có nghĩa vụ cập nhật thông tin đó. Theo đó, khách hàng không nên dựa vào thông tin này trong việc ra quyết định về dung sai điện hoặc quyết định khác. Không có bảo hành nào về tính chính xác hoặc đầy đủ được thể hiện hay ngụ ý.

Các chức năng OSD chỉ hoạt động ở chế độ hoạt động bình thường. Khi nhấn bất kỳ nút nào trong chế độ Tắt hoạt động, một trong các thông báo sau sẽ được hiển thị:

### SE2419H

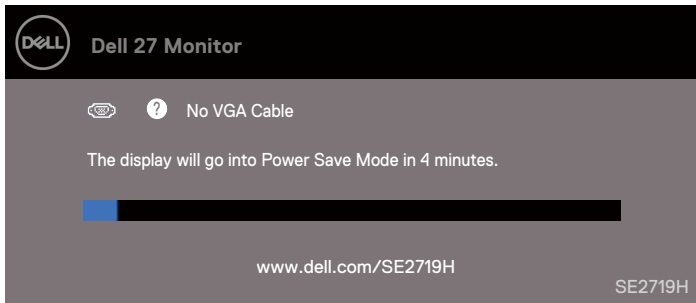


### SE2419HX

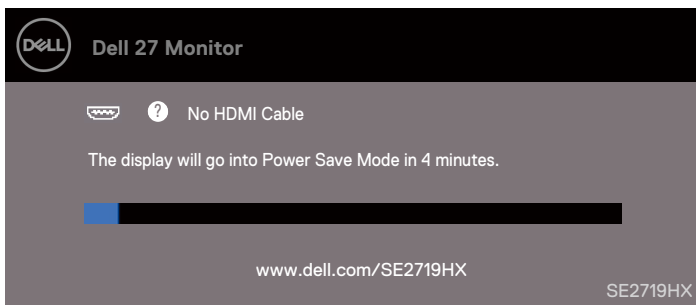




## SE2719H



## SE2719HX



Kích hoạt máy tính và màn hình để truy cập vào OSD.

 **LƯU Ý:** Màn hình này được chứng nhận ENERGY STAR (NGÔI SAO

**NĂNG LƯỢNG).**



## Sự tương thích Plug and Play (Cắm và Chạy).



Bạn có thể cài đặt màn hình trong bất kỳ hệ thống tương thích với Plug and Play nào. Màn hình tự động cung cấp hệ thống máy tính với Dữ liệu nhận dạng hiển thị mở rộng (EDID) bằng cách sử dụng các giao thức Kênh dữ liệu hiển thị (DDC) để hệ thống có thể tự cấu hình và tối ưu hóa các cài đặt màn hình. Hầu hết các cài đặt màn hình đều tự động, bạn có thể chọn các cài đặt khác nhau nếu muốn. Để biết thêm thông tin về cách thay đổi cài đặt màn hình, hãy xem [Vận hành màn hình](#).

## Chính sách pixel và chất lượng màn hình LCD

Trong quá trình sản xuất màn hình LCD, nó là bình thường cho một hoặc nhiều điểm ảnh để trở thành cố định trong một trạng thái không thay đổi mà rất khó nhìn thấy và không ảnh hưởng đến chất lượng hiển thị hoặc khả năng sử dụng. Để biết thêm thông tin về Chất lượng Màn hình Dell và Chính sách Pixel, hãy xem trang web Hỗ trợ của Dell tại [www.dell.com/support/monitors](http://www.dell.com/support/monitors).

## Hướng dẫn bảo trì

### Vệ sinh màn hình



-  **CẢNH BÁO:** Trước khi vệ sinh màn hình, rút dây nguồn màn hình ra khỏi ổ cắm điện.
-  **THẬN TRỌNG:** Đọc và làm theo [Hướng dẫn an toàn](#) trước khi vệ sinh màn hình.

Để có các phương pháp hay nhất, hãy làm theo hướng dẫn trong danh sách bên dưới trong khi giải nén, làm sạch hoặc xử lý màn hình của bạn:

- Để làm sạch màn hình của bạn, hãy lau nhẹ nhàng bằng một khăn vải mềm và làm sạch bằng nước. Nếu có thể, sử dụng một khăn vải mỏng làm sạch màn hình đặc biệt hoặc dung dịch phù hợp với lớp phủ chống tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất pha loãng, amoniac, chất tẩy rửa có tính ăn mòn hoặc khí nén.
- Sử dụng khăn vải hơi ẩm để lau màn hình. Tránh sử dụng chất tẩy rửa dưới bất kỳ hình thức nào vì một số chất tẩy rửa để lại một lớp màng mờ trên màn hình.
- Nếu bạn thấy bột màu trắng khi bạn mở gói màn hình, hãy lau sạch bằng một miếng vải. Xử lý màn hình của bạn cẩn thận vì màn hình màu đen có thể bị trầy xước
- Để giúp duy trì chất lượng hình ảnh tốt nhất trên màn hình của bạn, hãy sử dụng trình bảo vệ màn hình thay đổi động và tắt màn hình của bạn khi không sử dụng.

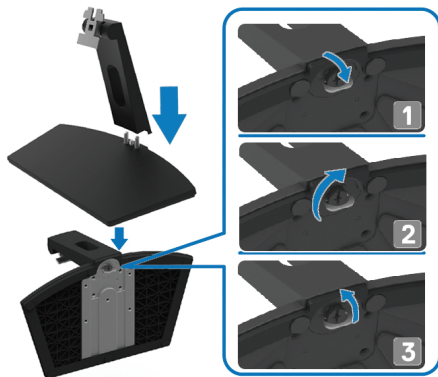
# Thiết lập màn hình

## Kết nối giá đỡ

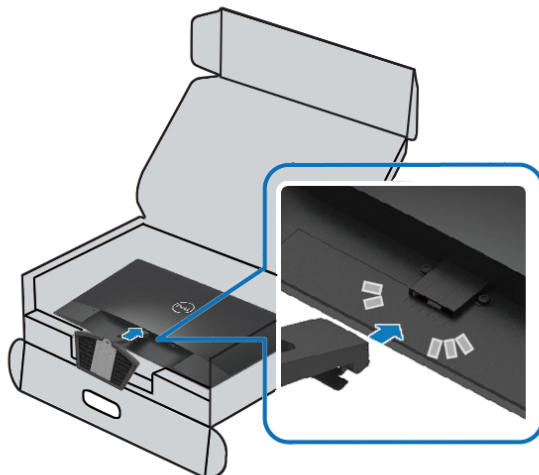
-  **LƯU Ý:** Giá đỡ không được gắn khi màn hình được vận chuyển từ nhà máy.
-  **LƯU Ý:** Quy trình sau đây được áp dụng cho giá đỡ được vận chuyển với màn hình của bạn.

Để gắn giá đỡ màn hình:

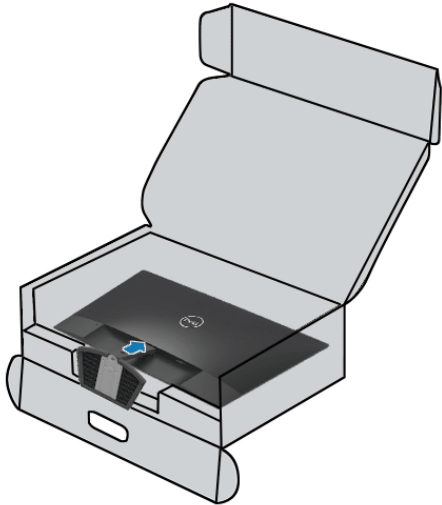
1. Kết nối bộ nâng đứng vào chân đế giá đỡ và sau đó siết chặt vít trên chân đế.





2. Căn chỉnh khung bộ nâng giá đỡ với các rãnh ở mặt sau của màn hình.



3. Trượt cụm giá đỡ cho đến khi khớp vào vị trí.



## Kết nối màn hình

-  **CẢNH BÁO:** Trước khi bạn bắt đầu bất kỳ thủ tục nào trong phần này, hãy làm theo [Hướng dẫn An toàn](#).
-  **LƯU Ý:** Không kết nối tất cả các dây cáp với máy tính cùng một lúc. Bạn nên định tuyến cáp qua khe quản lý cáp trước khi kết nối chúng với màn hình.

Để kết nối màn hình với máy tính:

1. Tắt máy tính và ngắt kết nối cáp nguồn.
2. Kết nối cáp VGA hoặc HDMI từ màn hình với máy tính.

## Kết nối cáp VGA

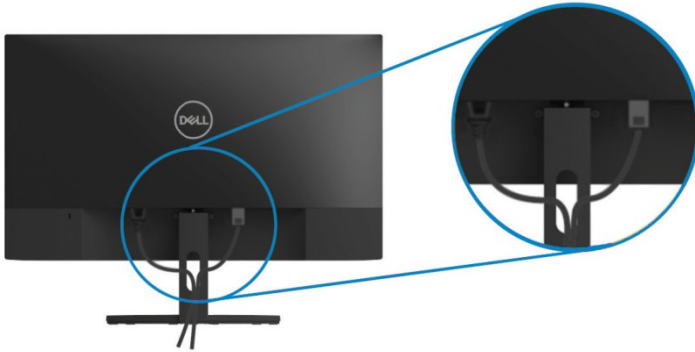


## Kết nối cáp HDMI





## Bố trí cáp

Sử dụng khe cắm quản lý cáp cho các cáp được kết nối với màn hình. connected to your monitor.



## Tháo giá đỡ

-  **LƯU Ý:** Để tránh trầy xước trên màn hình khi tháo giá đỡ, đảm bảo rằng màn hình được đặt trên bề mặt mềm và sạch.
-  **LƯU Ý:** Quy trình sau đây được áp dụng cho giá đỡ được vận chuyển với màn hình của bạn.

Để tháo giá đỡ:

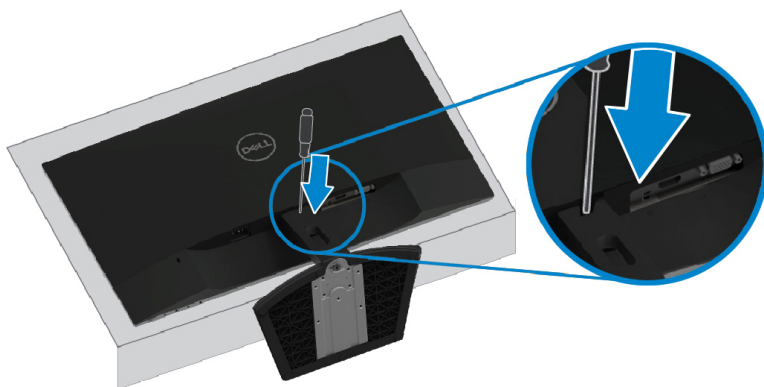
1. Đặt màn hình lên miếng vải mềm hoặc đệm dọc theo bàn làm việc.



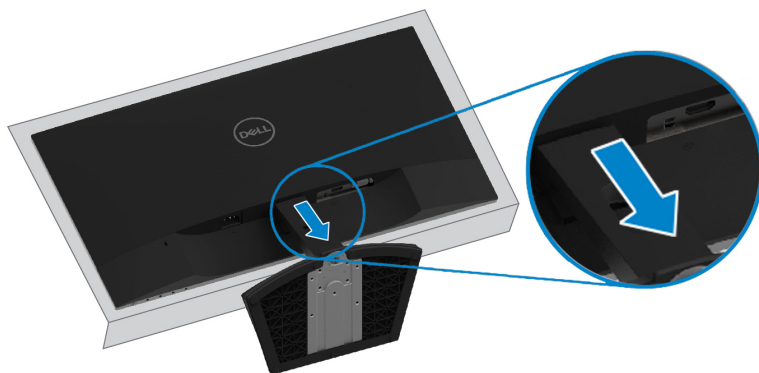
2. Nghiêng giá đỡ xuống dưới để tiếp cận vào nút nhỏ.



3. Sử dụng một tuốc nơ vít dài nhấn nút nhỏ.




4. Trong khi vẫn giữ nút nhỏ, hãy kéo giá đỡ ra.

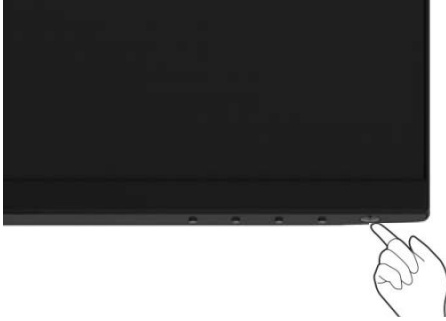


# Vận hành màn hình

---

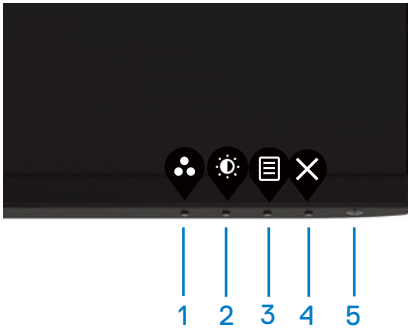
## Bật màn hình

Nhấn nút  để bật màn hình..





## Sử dụng các nút điều khiển phía trước




Sử dụng các nút điều khiển ở cạnh dưới của màn hình để điều chỉnh hình ảnh đang được hiển thị.



Bảng sau đây mô tả các nút điều khiển:

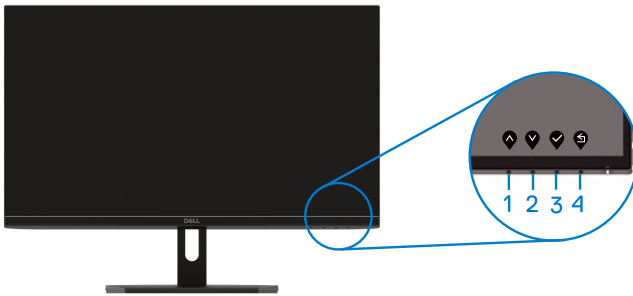
	Nút điều khiển	Mô tả
1	 Chế độ cài sẵn	Sử dụng nút này để chọn từ danh sách các chế độ cài sẵn.
2	 Độ sáng/Độ tương phản	Để truy cập trực tiếp vào menu Độ sáng và Độ tương phản







3		Để bật menu Hiển thị trên màn hình (OSD) hoặc để truy cập danh sách các mục/tùy chọn của một mục menu. Để biết thêm thông tin, hãy xem <a href="#">Truy cập menu OSD</a> .
4		Để thoát hoặc quay lại menu chính OSD.
5	 Nút Nguồn (với đèn trạng thái nguồn)	Để bật hoặc tắt màn hình. Đèn trắng rắn cho biết màn hình được bật và hoạt động bình thường. Đèn trắng nhấp nháy cho biết màn hình đang ở chế độ tiết kiệm điện.

## Điều khiển OSD

Sử dụng các nút trên cạnh dưới của màn hình để điều chỉnh cài đặt hình ảnh.



	Nút điều khiển	Mô tả
1	 Lên	Sử dụng nút Up (Lên) để tăng giá trị hoặc di chuyển lên trong menu.
2	 Xuống	Sử dụng nút Down (Xuống) để giảm giá trị hoặc di chuyển xuống trong menu.
3	 OK	Sử dụng nút OK để xác nhận lựa chọn của bạn trong menu
4	 Quay lại	Sử dụng nút Back (Quay lại) để quay lại menu trước.

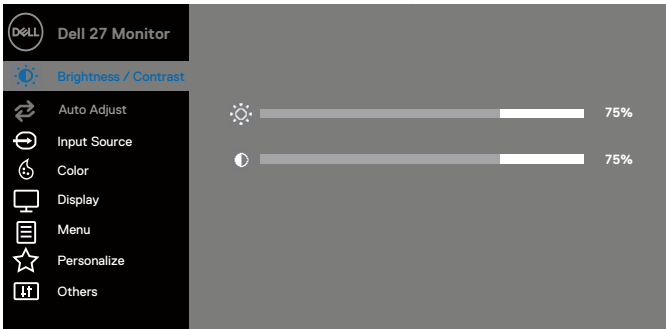
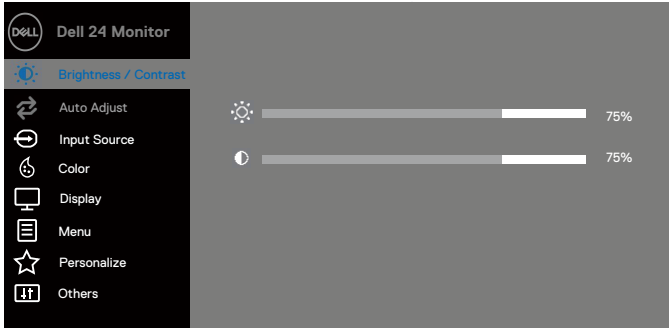
## Sử dụng menu Hiển thị trên màn hình (OSD).










### Truy cập menu OSD


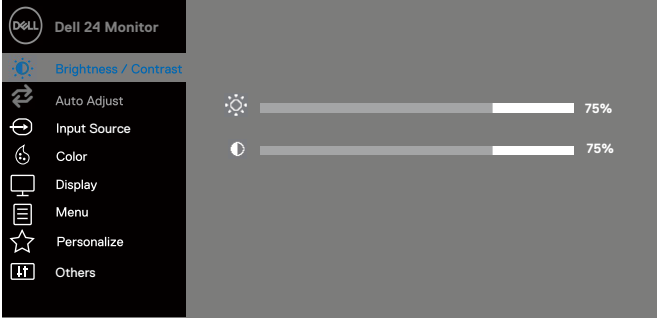
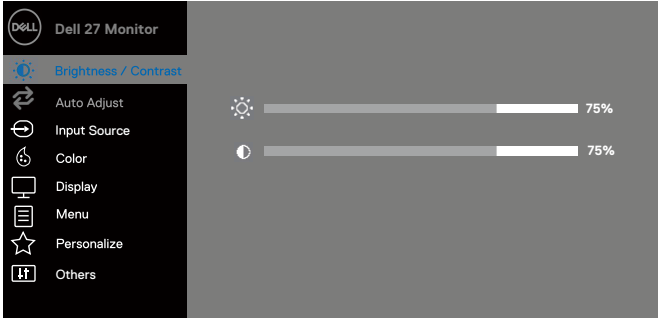




 **LƯU Ý:** Mọi thay đổi bạn thực hiện được lưu tự động khi bạn chuyển sang menu khác, thoát menu OSD hoặc đợi menu OSD tự động đóng.

1. Nhấn nút  để hiển thị menu OSD chính.

#### Menu chính cho đầu vào HDMI



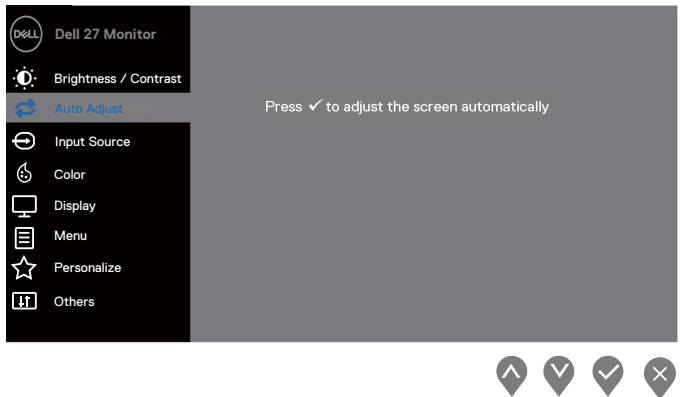
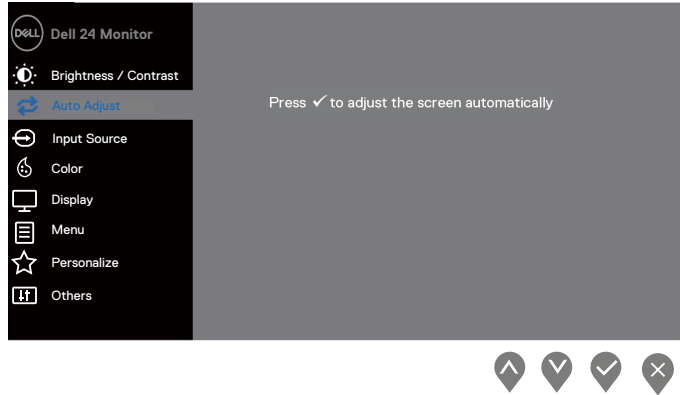
2. Nhấn  và  để di chuyển giữa các lựa chọn cài đặt. Khi bạn di chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng khác, tên tùy chọn được tô sáng.
3. Nhấn nút  một lần để kích hoạt tùy chọn được đánh dấu.
4. Nhấn nút  và  để chọn tham số mong muốn.
5. Nhấn  và sử dụng nút  và , theo các chỉ số trên menu, để thực hiện thay đổi của bạn.
6. Chọn nút  để trở về menu chính.

Biểu tượng	Menu và menu phụ	Mô tả
	Brightness/ Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)	<p>Sử dụng tùy chọn này để kiểm soát cài đặt độ sáng hoặc độ tương phản.</p>  
Brightness (Độ sáng)	Brightness	<p>Độ sáng điều chỉnh độ chói của đèn nền.</p> <p>Nhấn nút  để tăng độ sáng và nhấn nút  để giảm độ sáng (tối thiểu 0; tối đa 100).</p> <p><b>LƯU Ý:</b> Điều chỉnh độ sáng thủ công bị tắt khi bật chế độ tương phản động.</p>
Contrast (Tương phản)	Contrast	<p>Điều chỉnh độ sáng trước, sau đó chỉ điều chỉnh độ tương phản khi cần điều chỉnh thêm.</p> <p>Nhấn nút  để tăng độ tương phản và nhấn nút  để giảm độ tương phản (tối thiểu 0; tối đa 100).</p> <p>Chức năng tương phản điều chỉnh mức độ khác biệt giữa bóng tối và độ sáng trên màn hình.</p>



## Auto Adjust (Tự động điều chỉnh)

Sử dụng tùy chọn này để kích hoạt cài đặt tự động và điều chỉnh menu.



Hộp thoại sau xuất hiện trên màn hình màu đen khi màn hình tự điều chỉnh theo đầu vào hiện tại:

**Auto Adjustment in Progress...**

Tự động điều chỉnh cho phép màn hình tự điều chỉnh tín hiệu video đến. Sau khi sử dụng Tự động điều chỉnh, bạn có thể điều chỉnh thêm màn hình của mình bằng cách sử dụng các điều khiển Đồng hồ pixel (Thô) và Pha (Tinh) trong Hiển thị.

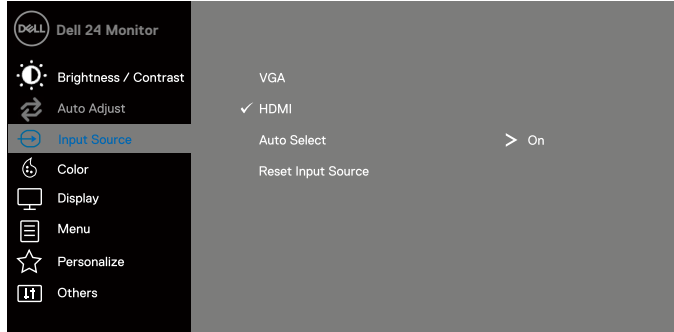
**LƯU Ý:** Tự động điều chỉnh không xảy ra nếu bạn nhấn nút trong khi không có tín hiệu đầu vào video hoạt động hoặc cáp kèm theo. Tùy chọn này chỉ khả dụng khi bạn đang sử dụng đầu nối analog (VGA).



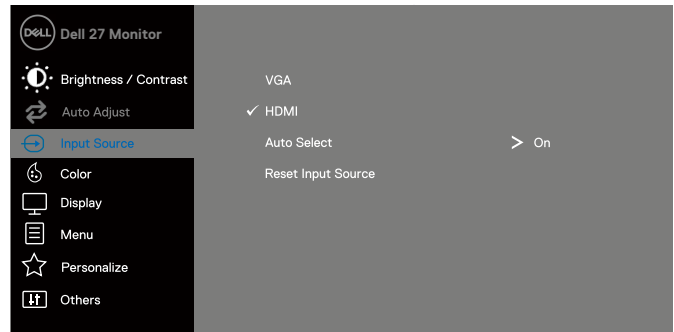
## Input Source (Nguồn vào)




Sử dụng menu nguồn đầu vào để chuyển đổi giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn.

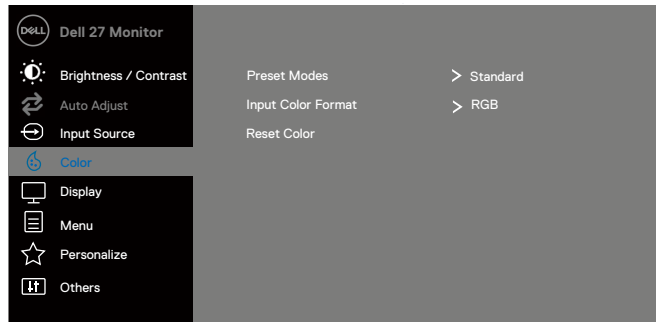
SE2419H / SE2419HX: một đầu vào VGA và một đầu vào HDMI



SE2719H / SE2719HX: một đầu vào VGA và một đầu vào HDMI





	VGA	Nhấn  để chọn nguồn đầu vào VGA khi sử dụng đầu nối VGA.
	HDMI	Nhấn  để chọn nguồn đầu vào HDMI khi sử dụng đầu nối HDMI.
	Auto Select (Tự động lựa chọn)	Chọn Tự động chọn để quét các tín hiệu đầu vào có sẵn.
	Reset Input Source (Đặt lại đầu vào)	Chọn tùy chọn này để khôi phục nguồn đầu vào mặc định.
	Color (Màu sắc)	<p>Sử dụng màu để điều chỉnh chế độ cài đặt màu.</p>  <p>The screenshot shows the Dell 24 Monitor OSD menu. The 'Color' option is highlighted in blue. The menu items are: Dell 24 Monitor, Brightness / Contrast, Auto Adjust, Input Source, Color (highlighted), Display, Menu, Personalize, and Others. The right side of the menu shows: Preset Modes &gt; Standard, Input Color Format &gt; RGB, and Reset Color.</p> <p style="text-align: right;">     </p>

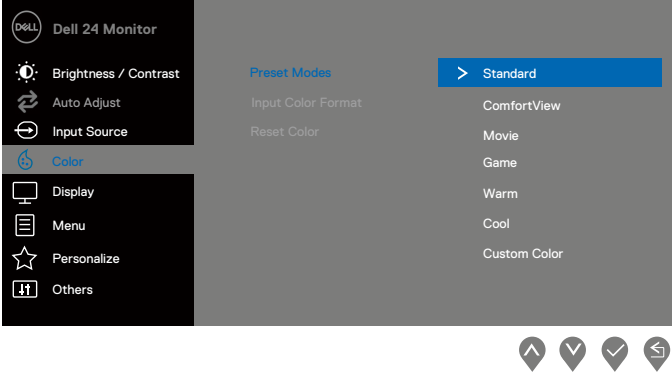
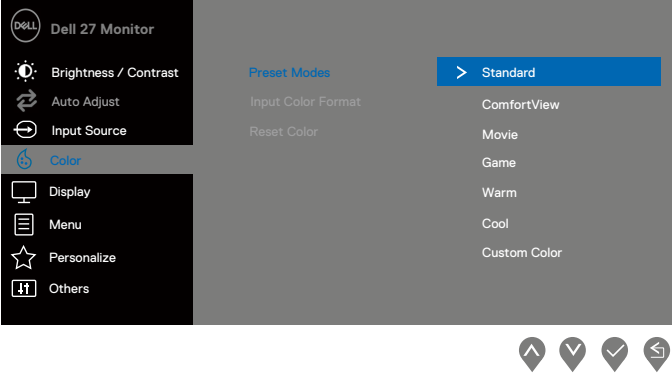


Preset Modes (Chế độ cài sẵn)

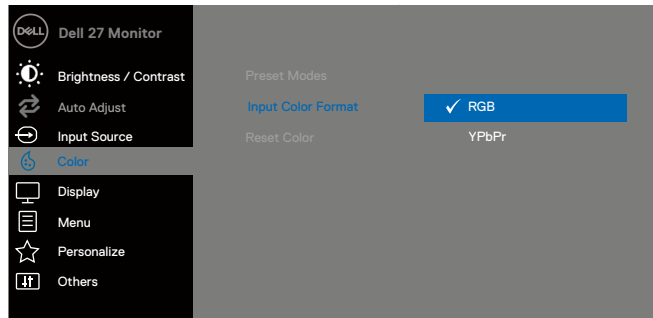
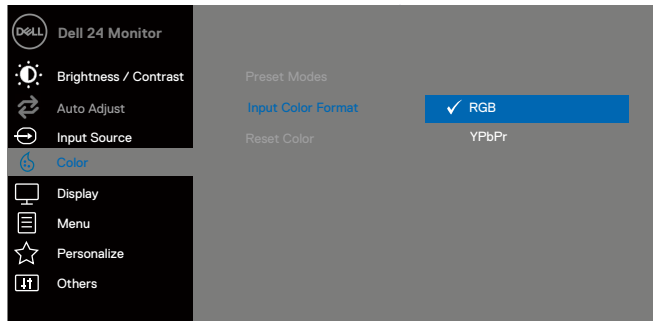
Khi bạn chọn Chế độ cài sẵn, bạn có thể chọn **Standard (Tiêu chuẩn)**, **ComfortView (bảo vệ mắt)**, **Movie (Phim ảnh)**, **Game (Trò chơi)**, **Warm (Ấm)**, **Cool (Dịu mát)** hoặc **Custom Color (Màu tùy chỉnh)** từ danh sách.

- Tiêu chuẩn: Tải cài đặt màu mặc định của màn hình. Đây là chế độ cài sẵn mặc định.
- Bảo vệ mắt: Giảm mức độ ánh sáng màu xanh phát ra từ màn hình giúp thoải mái hơn cho đôi mắt của bạn. **LƯU Ý:** Để giảm nguy cơ mỏi mắt và đau cổ/cánh tay/lưng/vai khi sử dụng màn hình trong một thời gian dài, chúng tôi khuyên bạn nên:
  - Đặt màn hình cách mắt bạn khoảng 20 ~ 28 inch (50 ~ 70 cm).
  - Chớp mắt thường xuyên để làm ẩm hoặc bôi trơn đôi mắt của bạn.
  - Thường xuyên nghỉ 20 phút mỗi hai giờ.
  - Nhìn ra khỏi màn hình của bạn và nhìn vào một vật ở xa cách 20 feet trong ít nhất 20 giây trong giờ nghỉ.
  - Thực hiện vươn vai để giảm căng thẳng ở cổ/cánh tay/lưng/vai trong thời gian nghỉ.
- Phim ảnh: Tải cài đặt màu sắc lý tưởng cho các bộ phim.
- Trò chơi: Tải cài đặt màu sắc lý tưởng cho hầu hết các ứng dụng trò chơi.
- Màu ấm: Tăng nhiệt độ màu. Màn hình xuất hiện màu ấm hơn với màu đỏ/vàng.
- Màu dịu mát: Giảm nhiệt độ màu. Màn hình xuất hiện dịu mát hơn với màu xanh dương.
- Màu tùy chỉnh: Cho phép bạn điều chỉnh cài đặt màu theo cách thủ công.



Nhấn nút  và  để điều chỉnh ba giá trị màu (R, G, B) và tạo chế độ màu đặt trước của riêng bạn.

		 
<p>(Input Color Format) Định dạng màu đầu vào</p>	<p>Cho phép bạn đặt chế độ nhập video thành:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• RGB: Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với máy tính hoặc đầu đĩa DVD bằng cáp HDMI.</li> <li>• YPbPr: Chọn tùy chọn này nếu đầu DVD của bạn chỉ hỗ trợ đầu ra YPbPr.</li> </ul>	






Hue



Tính năng này có thể chuyển màu của hình ảnh video sang màu xanh lục hoặc màu tía. Điều này được sử dụng để điều chỉnh tông màu da mong muốn. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh độ bão hoà từ 0 đến 100.


Nhấn  để tăng độ bóng màu xanh của hình ảnh video.


Nhấn  để giảm độ bóng màu tía của hình ảnh video.


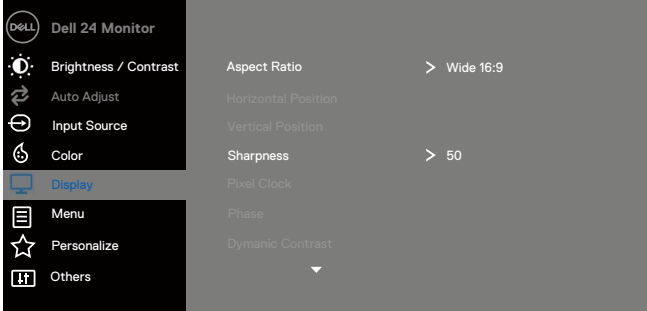
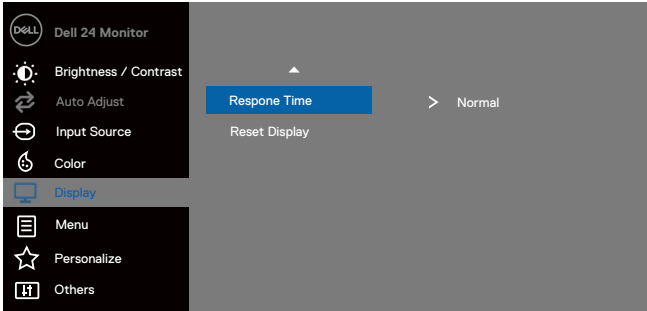
**LƯU Ý:** Điều chỉnh màu Hue chỉ khả dụng khi bạn chọn chế độ Cài sẵn của Phim ảnh hoặc Trò chơi.

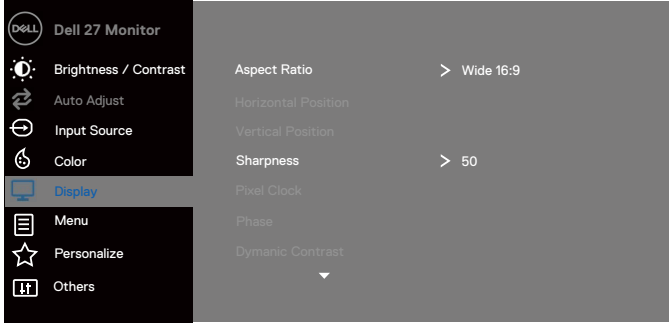
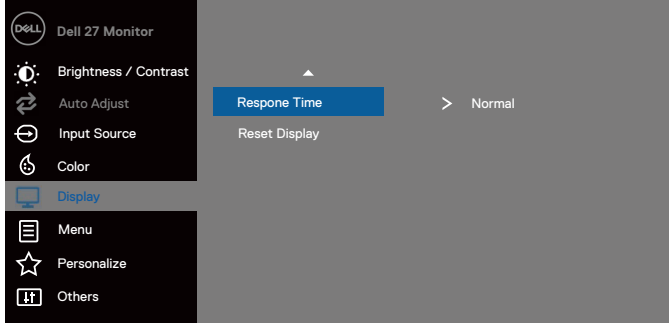


Saturati  
on  
(Độ bão  
hoà)








Tính năng này có thể điều chỉnh độ bão hoà màu sắc của hình ảnh video. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh độ bão hoà từ 0 đến 100.


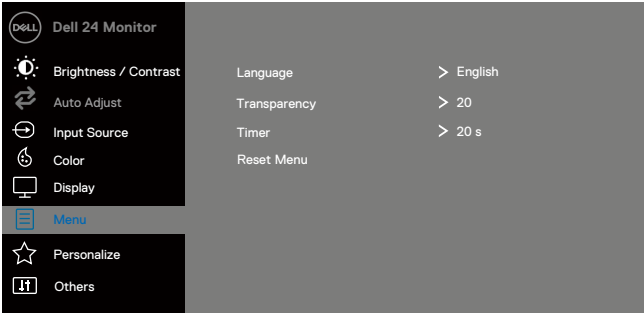

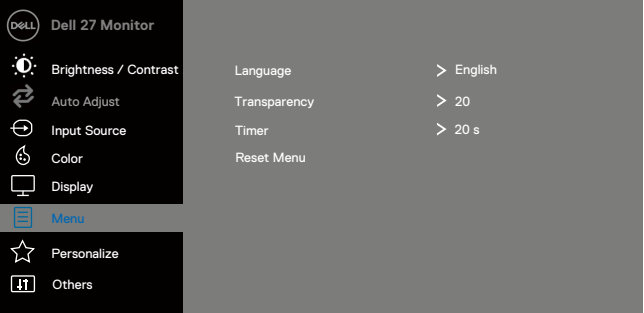

Nhấn  để tăng sự xuất hiện đơn sắc của hình ảnh video.





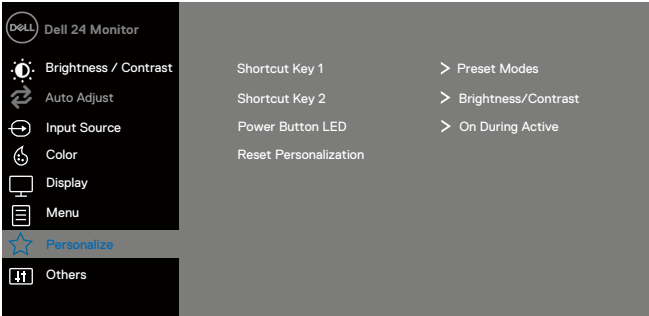

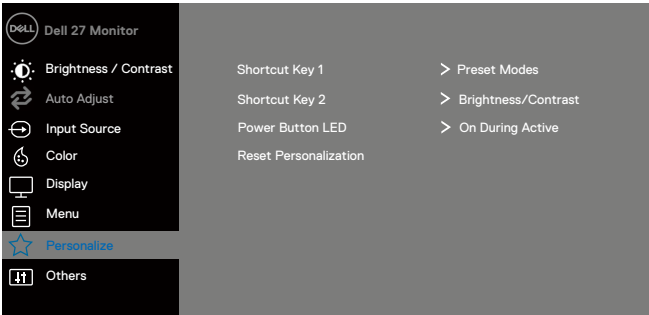

Nhấn  để giảm sự xuất hiện đầy màu sắc của hình ảnh video.

		<p><b>LƯU Ý:</b> Điều chỉnh độ bão hòa chỉ khả dụng khi bạn chọn chế độ Cài sẵn của Phim ảnh hoặc Trò chơi.</p>
	<p>Reset Color (Đặt lại màu)</p> <p>(Display) Thẻ hiện</p>	<p>Sử dụng màn hình để điều chỉnh hình ảnh.</p>  

	 
<p>(Aspect Ratio)</p> <p>Tỷ lệ khung hình</p>	<p>Điều chỉnh tỷ lệ khung hình thành Rộng 16: 9, 4: 3 hoặc 5: 4.</p>
<p>Horizontal Position (VGA input only)</p> <p>Vị trí nằm ngang (Chỉ dành đầu vào VGA)</p>	<p>Sử dụng  hoặc  di chuyển hình ảnh sang trái và sang phải. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).</p>

<p>Vertical Position (VGA input only) Vị trí dọc (Chỉ dành đầu vào VGA)</p>	<p>Sử dụng  hoặc  để di chuyển hình ảnh lên và xuống. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).</p>
<p>Sharpness (Độ sắc nét)</p>	<p>Tính năng này có thể làm cho hình ảnh trông sắc nét hơn hoặc nhợt nhạt hơn. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh độ sắc nét từ 0 đến 100.</p>
<p>Pixel Clock (VGA input only) Đồng hồ pixel (Chỉ dành đầu vào VGA)</p>	<p>Tính năng Đồng hồ Pixel cho phép bạn điều chỉnh chất lượng hình ảnh trên màn hình theo sở thích của mình.  Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh chất lượng hình ảnh tốt nhất.</p>
<p>Phase (VGA input only) Pha (Chỉ dành đầu vào VGA)</p>	<p>Nếu không đạt được kết quả thỏa đáng bằng cách sử dụng điều chỉnh pha, sử dụng điều chỉnh Đồng hồ Pixel (thô) và sau đó sử dụng Pha (tinh), một lần nữa.</p>
<p>Dynamic Contrast (Tương phản động)</p>	<p>Cho phép bạn tăng mức độ tương phản để cung cấp chất lượng hình ảnh sắc nét và chi tiết hơn.  Nhấn nút  để chọn độ tương phản động Bật hoặc Tắt. <b>LƯU Ý:</b> Độ tương phản động cung cấp độ tương phản cao hơn nếu bạn chọn chế độ cài đặt trước phim hoặc trò chơi.</p>

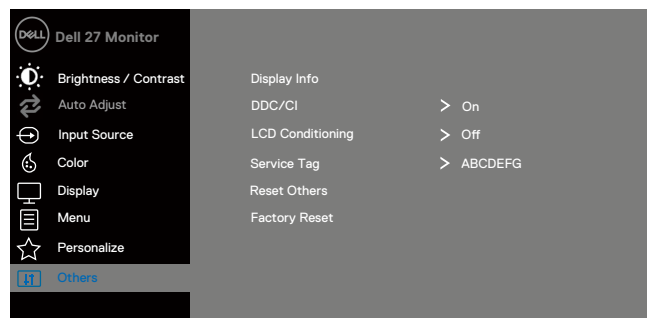
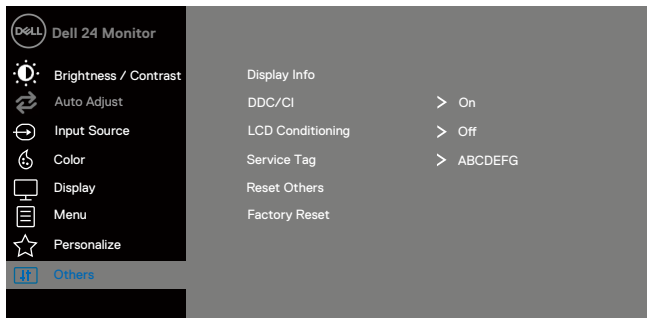
	<p>Response Time (Thời gian phản hồi)</p>	<p>Cho phép bạn chọn giữa Normal (Bình thường) (8 ms), Fast (Nhanh) (5 ms).</p>
	<p>(Reset Display) Đặt lại hiển thị</p>	<p>Chọn tùy chọn này để khôi phục cài đặt hiển thị mặc định.</p>
	<p>Menu</p>	<p>Chọn tùy chọn này để điều chỉnh các cài đặt của OSD, chẳng hạn như ngôn ngữ của OSD, khoảng thời gian, menu vẫn còn trên màn hình và vân vân.</p> <div data-bbox="322 528 966 842">  <p>Dell 24 Monitor OSD Menu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Brightness / Contrast</li> <li>Auto Adjust</li> <li>Input Source</li> <li>Color</li> <li>Display</li> <li><b>Menu</b></li> <li>Personalize</li> <li>Others</li> </ul> <p>Settings for Menu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Language &gt; English</li> <li>Transparency &gt; 20</li> <li>Timer &gt; 20 s</li> <li>Reset Menu</li> </ul> </div> <div data-bbox="815 855 964 890">  </div> <div data-bbox="322 935 966 1249">  <p>Dell 27 Monitor OSD Menu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Brightness / Contrast</li> <li>Auto Adjust</li> <li>Input Source</li> <li>Color</li> <li>Display</li> <li><b>Menu</b></li> <li>Personalize</li> <li>Others</li> </ul> <p>Settings for Menu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Language &gt; English</li> <li>Transparency &gt; 20</li> <li>Timer &gt; 20 s</li> <li>Reset Menu</li> </ul> </div> <div data-bbox="815 1262 964 1297">  </div>

	Ngôn ngữ	Tùy chọn ngôn ngữ đặt hiển thị OSD thành một trong tám ngôn ngữ (tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Bồ Đào Nha Braxin, tiếng Nga, tiếng Trung giản thể hoặc tiếng Nhật).
	Độ trong suốt	Chọn tùy chọn này để thay đổi độ trong suốt của menu từ 0 đến 100 bằng cách nhấn nút  hoặc  .
	Bộ hẹn giờ	Thời gian giữ OSD: đặt thời lượng, OSD sẽ vẫn hoạt động sau lần cuối cùng bạn nhấn nút.  Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh thanh trượt với khoảng tăng 1 giây, từ 5 đến 60 giây.
	Đặt lại Menu	Đặt lại tất cả cài đặt OSD về giá trị đặt trước của nhà máy.
☆	Cá nhân hóa	<p>Cho phép bạn chọn một tính năng từ Phím tắt 1, Phím tắt 2, Nút Power (Nguồn) hoặc Đặt lại Cá nhân hoá, Chế độ cài đặt trước hoặc Độ sáng/Độ tương phản và đặt nó làm phím tắt.</p>    

Shortcut Key 1 (Phím tắt 1)	Cho phép bạn chọn một trong các tùy chọn sau: Chế độ cài sẵn, Độ sáng/Độ tương phản, Điều chỉnh tự động, Nguồn vào, Tỷ lệ khung hình, đặt phím tắt 1.
Shortcut Key 2 (Phím tắt 2)	Cho phép bạn chọn một trong các tùy chọn sau: Chế độ cài sẵn, Độ sáng/Độ tương phản, Điều chỉnh tự động, Nguồn vào, Tỷ lệ khung hình, đặt phím tắt 2.
Power Button LED (Nút Nguồn LED)	Cho phép bạn đặt đèn chỉ báo LED nguồn Bật Trong khi đang hoạt động hoặc Tắt Trong khi đang hoạt động để tiết kiệm năng lượng.
Reset Personalization (Đặt lại cá nhân hóa)	Cho phép bạn khôi phục phím tắt về cài đặt mặc định.



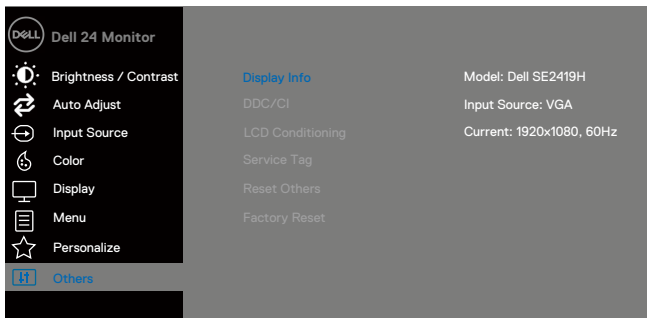
## Others (Khác)



## Display Info (Thông tin hiển thị)

Nhấn để hiển thị thông tin về màn hình.

SE2419H:





### SE2419HX:

Dell 24 Monitor

Brightness / Contrast

Auto Adjust

Input Source

Color

Display

Menu

Personalize

Others

**Display Info**

DDC/CI

LCD Conditioning

Service Tag

Reset Others

Factory Reset

Model: Dell SE2419HX

Input Source: HDMI

Current: 1920x1080, 60Hz



### SE2719H:

Dell 27 Monitor

Brightness / Contrast

Auto Adjust

Input Source

Color

Display

Menu

Personalize

Others

**Display Info**

DDC/CI

LCD Conditioning

Service Tag

Reset Others

Factory Reset

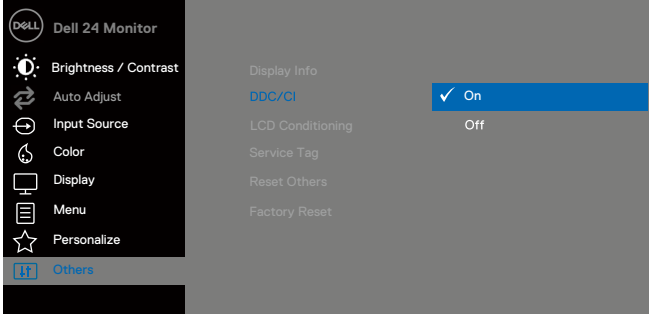
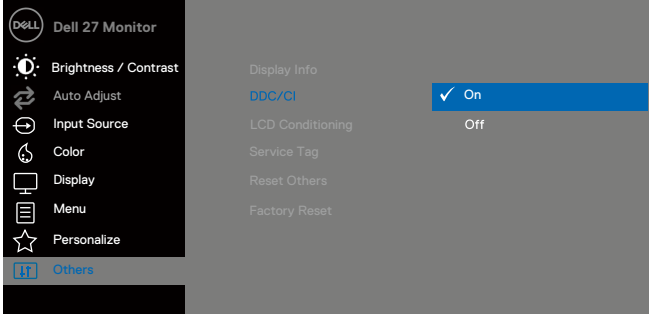
Model: Dell SE2719H

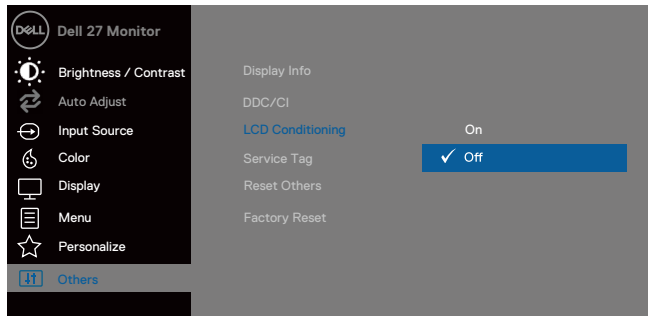
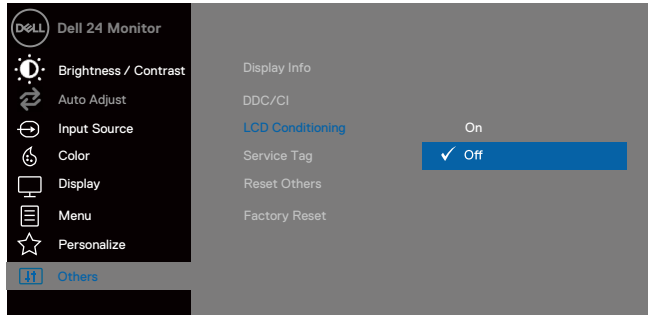
Input Source: VGA

Current: 1920x1080, 60Hz



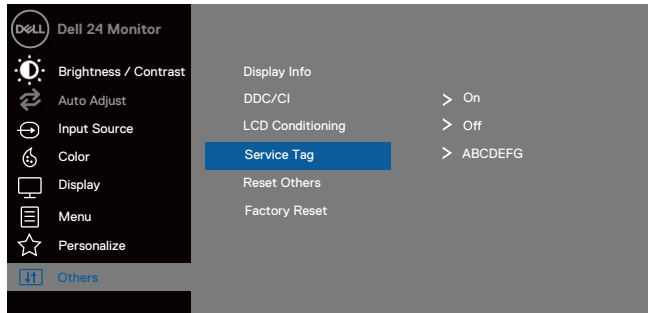
		<p><b>SE2719HX:</b></p> 
DDC/CI		<p>DDC/CI (Hiện thị Kênh Dữ liệu / Giao diện Lệnh) cho phép bạn điều chỉnh cài đặt màn hình bằng phần mềm trên máy tính của bạn. Chọn Off (Tắt) để tắt tính năng này.</p> <p>Bật tính năng này để có trải nghiệm người dùng tốt nhất và hiệu suất tối ưu của màn hình.</p>

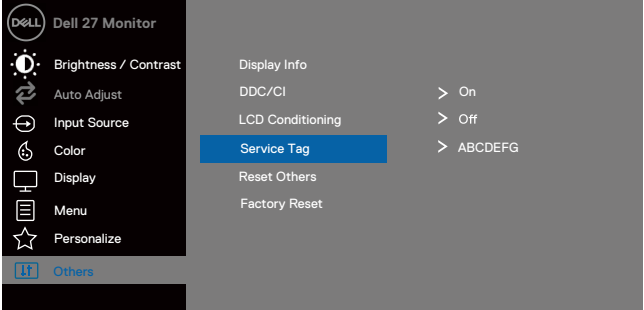
		 
<p>LCD Conditioning (LCD Điều hòa)</p>		<p>Giúp giảm thiểu các trường hợp lưu giữ hình ảnh nhỏ. Tùy thuộc vào mức độ lưu giữ hình ảnh, chương trình có thể mất chút thời gian để chạy. Để bắt đầu Điều hòa LCD, chọn On (Bật).</p>



Service Tag  
(Thẻ dịch vụ)

Hiển thị số thẻ dịch vụ của màn hình.



		
<p>Reset Other (Đặt lại khác)</p>		<p>Đặt lại tất cả cài đặt trong menu Cài đặt khác về mặc định của nhà sản xuất.</p>
<p>Factory Reset (Đặt lại cài đặt nhà máy)</p>		<p>Đặt lại tất cả cài đặt về giá trị đặt mặc định của nhà máy.</p>

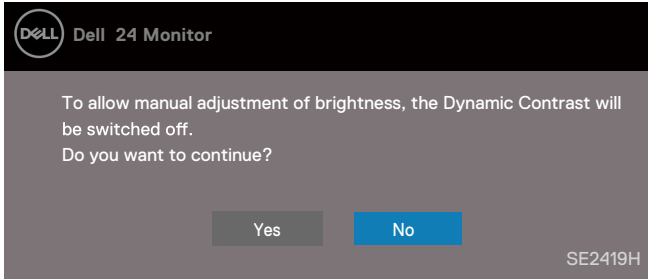


**LƯU Ý:** Màn hình của bạn có tính năng tích hợp để tự động hiệu chỉnh độ sáng để bù cho sự lão hóa LED.

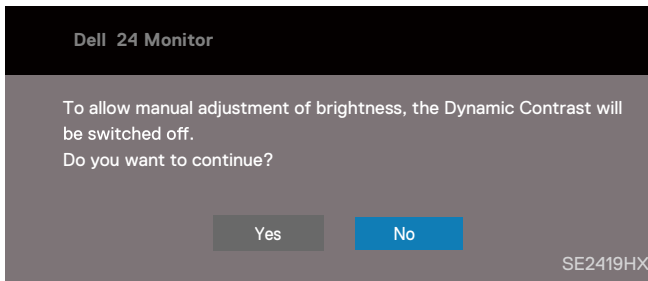
## Thông báo cảnh báo OSD

Khi tính năng Tương phản động được bật (ở chế độ cài đặt trước của Phim hoặc Trò chơi), điều chỉnh độ sáng thủ công sẽ bị tắt.

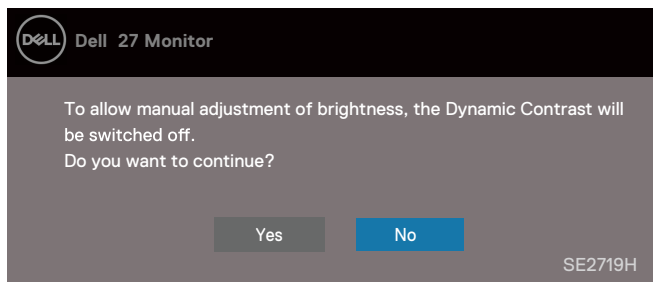
### SE2419H



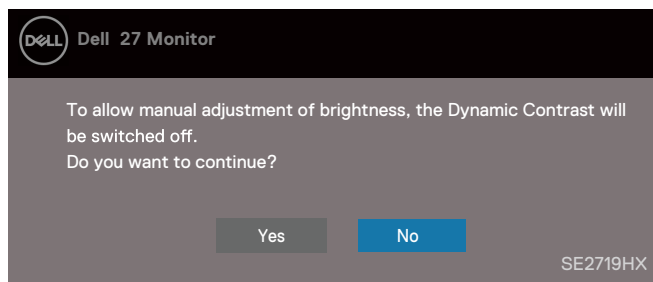
### SE2419HX



## SE2719H

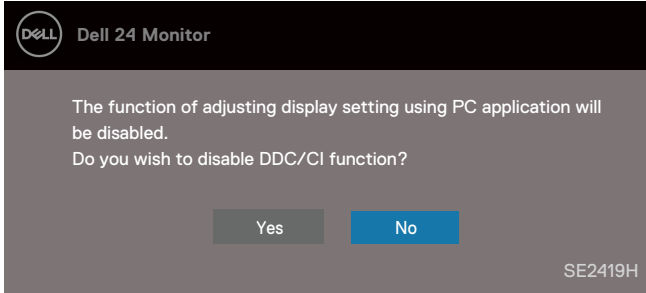


## SE2719HX

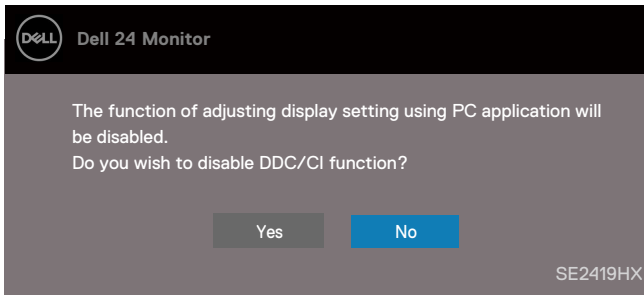


Trước khi chức năng DDC/CI bị tắt, thông báo sau được hiển thị.

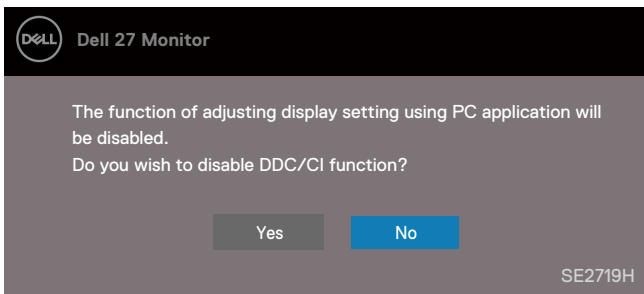
### SE2419H



### SE2419HX

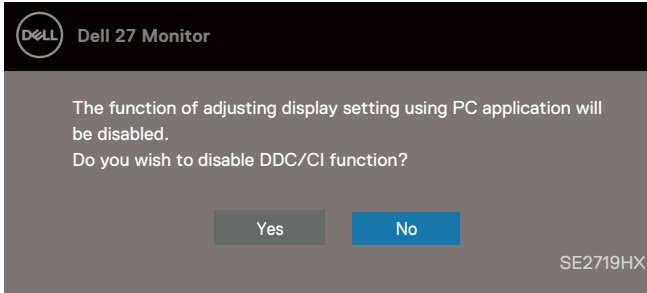


### SE2719H



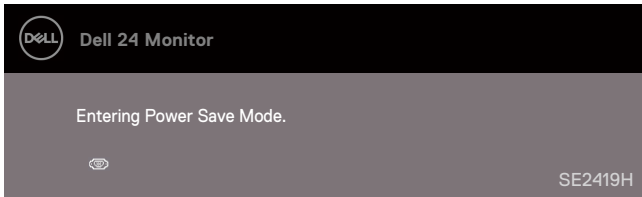


## SE2719HX

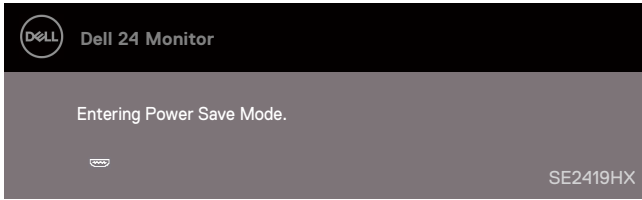


Khi màn hình chuyển sang Chế độ tiết kiệm điện, thông báo sau sẽ xuất hiện.

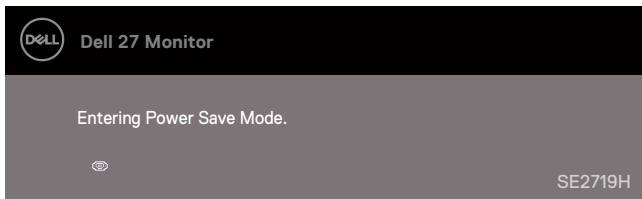
## SE2419H



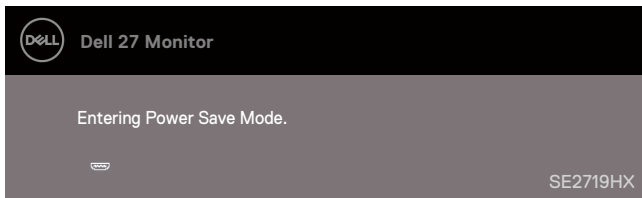
## SE2419HX



## SE2719H

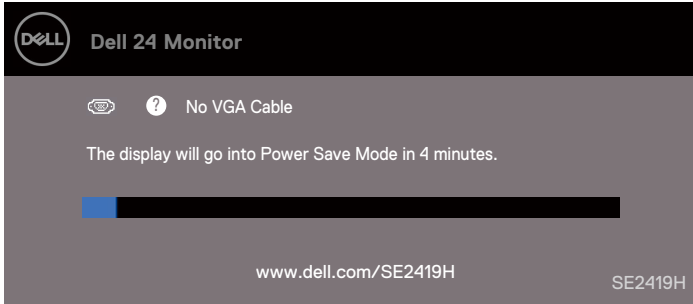


## SE2719HX

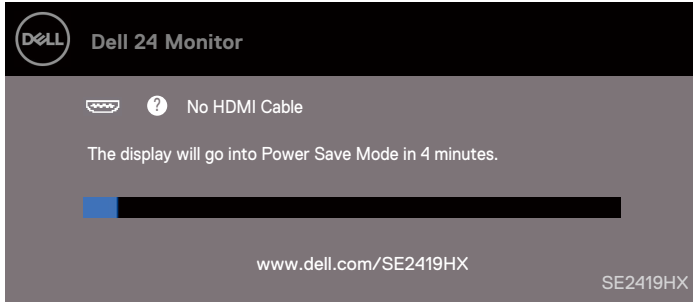


Nếu cáp VGA hoặc HDMI không được kết nối, hộp thoại nổi như hình bên dưới sẽ xuất hiện. Màn hình sẽ chuyển sang Chế độ Tiết kiệm Năng lượng sau 4 phút nếu ở trạng thái này.

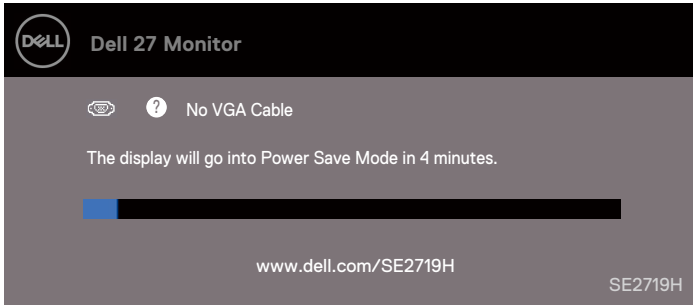
### SE2419H



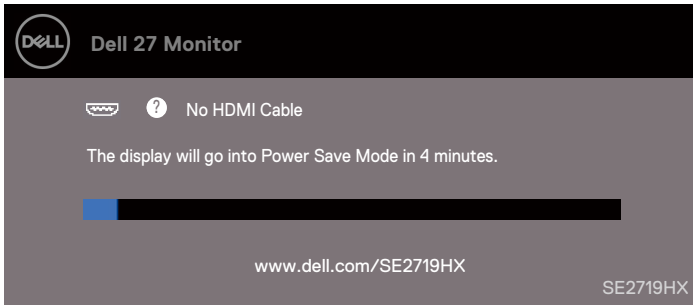
### SE2419HX



## SE2719H



## SE2719HX



Xem [Xử lý sự cố](#) để biết thêm thông tin.

# Thiết lập màn hình

## Đặt độ phân giải màn hình thành 1920 x 1080

Để có hiệu suất tốt nhất, hãy đặt độ phân giải màn hình thành 1920 x 1080 pixel bằng cách thực hiện các bước sau:

### Trong Windows 7:

1. Nhấp chuột phải vào màn hình và nhấp vào **Screen Resolution (Độ phân giải màn hình)**.
2. Nhấp vào trình đơn thả xuống của **Screen Resolution (Độ phân giải màn hình)** và chọn 1920 x 1080.
3. Nhấp vào **OK**.

### Trong Windows 8 hoặc Windows 8.1:

1. Chọn ô Desktop để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp chuột phải vào màn hình và nhấp vào **Screen Resolution (Độ phân giải màn hình)**.
3. Nhấp vào trình đơn thả xuống của **Screen Resolution (Độ phân giải màn hình)** và chọn 1920 x 1080.
4. Nhấp vào **OK**.


### Trong Windows 10:

1. Nhấp chuột phải vào màn hình và nhấp vào **Display Settings (Cài đặt hiển thị)**.
2. Nhấp vào **Advanced Display Settings (Cài đặt hiển thị nâng cao)**.
3. Nhấp vào menu thả xuống bên dưới **Resolution (Độ phân giải màn hình)** và chọn 1920 x 1080
4. Nhấp vào **Apply (Áp dụng)**.

Nếu bạn không thấy độ phân giải được khuyến nghị là tùy chọn, bạn có thể cần cập nhật trình điều khiển đồ họa của mình. Sử dụng một trong các phương pháp sau để cập nhật trình điều khiển đồ họa:

### Máy tính Dell

1. Truy cập [www.dell.com/support](http://www.dell.com/support), nhập thẻ dịch vụ của bạn và tải xuống trình điều khiển mới nhất cho card đồ họa của bạn.
2. Sau khi cài đặt trình điều khiển cho bộ điều hợp đồ họa của bạn, hãy cố gắng đặt độ phân giải là 1920 x 1080 lần nữa.

 **LƯU Ý: Nếu bạn không thể đặt độ phân giải là 1920 x 1080, vui lòng liên hệ với Dell để hỏi về bộ điều hợp đồ họa hỗ trợ các độ phân giải này.**

## Máy tính không phải Dell

### Trong Windows 7:


1. Nhấp chuột phải vào màn hình và nhấp vào **Personalization (Cá nhân hóa)**.
2. Nhấp vào **Change Display Settings (Thay đổi cài đặt hiển thị)**.
3. Nhấp vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)**.
4. Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ phần mô tả ở trên đầu cửa sổ (ví dụ: NVIDIA, AMD, Intel, v.v.).
5. Tham khảo trang web của nhà cung cấp thẻ đồ họa cho trình điều khiển được cập nhật (ví dụ: [www.AMD.com](http://www.AMD.com) hoặc [www.NVIDIA.com](http://www.NVIDIA.com)).
6. Sau khi cài đặt trình điều khiển cho bộ điều hợp đồ họa của bạn, hãy cố gắng đặt độ phân giải là 1920 x 1080 lần nữa.

### Trong Windows 8 hoặc Windows 8.1:

1. Chọn ô Desktop để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp chuột phải vào màn hình và nhấp vào **Personalization (Cá nhân hóa)**.
3. Nhấp vào **(Change Display Settings) Thay đổi cài đặt hiển thị**.
4. Nhấp vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)**.
5. Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ phần mô tả ở trên đầu cửa sổ (ví dụ: NVIDIA, AMD, Intel, v.v.).
6. Tham khảo trang web của nhà cung cấp thẻ đồ họa cho trình điều khiển được cập nhật (ví dụ: [www.AMD.com](http://www.AMD.com) hoặc [www.NVIDIA.com](http://www.NVIDIA.com)).
7. Sau khi cài đặt trình điều khiển cho bộ điều hợp đồ họa của bạn, hãy cố gắng đặt độ phân giải là 1920 x 1080 lần nữa.

### Trong Windows 10:

1. Nhấp chuột phải vào màn hình và nhấp vào **Display Settings (Cài đặt hiển thị)**.
2. Nhấp vào **Advanced display settings (Cài đặt hiển thị nâng cao)**.
3. Nhấp vào **Display adapter properties (Thuộc tính bộ điều hợp hiển thị)**.
4. Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ phần mô tả ở trên đầu cửa sổ (ví dụ: NVIDIA, AMD, Intel, v.v.).
5. Tham khảo trang web của nhà cung cấp thẻ đồ họa cho trình điều khiển được cập nhật (ví dụ: [www.AMD.com](http://www.AMD.com) hoặc [www.NVIDIA.com](http://www.NVIDIA.com)).
6. Sau khi cài đặt trình điều khiển cho bộ điều hợp đồ họa của bạn, hãy cố gắng đặt độ phân giải là 1920 x 1080 lần nữa.

 **LƯU Ý: Nếu bạn không thể đặt độ phân giải được đề nghị, vui lòng liên hệ với nhà sản xuất máy tính của bạn hoặc cân nhắc mua bộ điều hợp đồ họa hỗ trợ độ phân giải video.**

## Sử dụng trạng thái nghiêng

Bạn có thể nghiêng màn hình để có góc nhìn thoải mái nhất.

-  **LƯU Ý:** Giá đỡ không được gắn khi màn hình được vận chuyển từ nhà máy.



# Xử Lý Sự Cố

**⚠ CẢNH BÁO:** Trước khi bạn bắt đầu bất kỳ thủ tục nào trong phần này, hãy làm theo [Hướng dẫn An toàn](#).

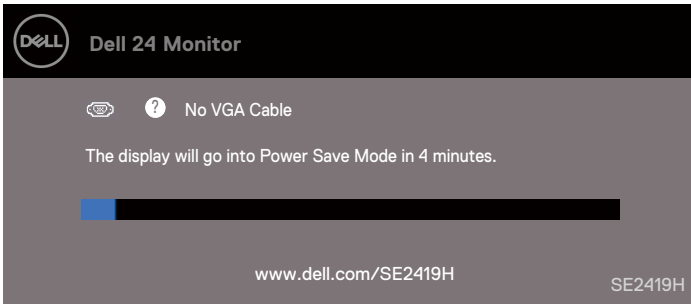
## Tự kiểm tra

Màn hình của bạn cung cấp tính năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình của bạn có hoạt động bình thường hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng cách nhưng màn hình điều khiển vẫn tối, hãy chạy tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện các bước sau:

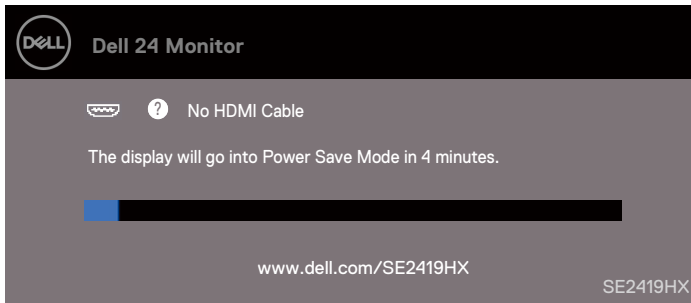
1. Bật cả máy tính và màn hình.
2. Ngắt kết nối tất cả cáp video khỏi màn hình. Bằng cách này, máy tính không thực hiện kiểm tra màn hình.
3. Bật màn hình

Nếu màn hình hoạt động chính xác, nó phát hiện ra rằng không có tín hiệu và một trong các thông báo sau xuất hiện. Trong khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED nguồn vẫn trắng.

### SE2419H

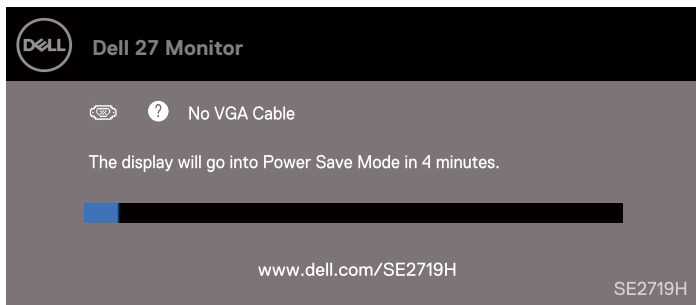


### SE2419HX

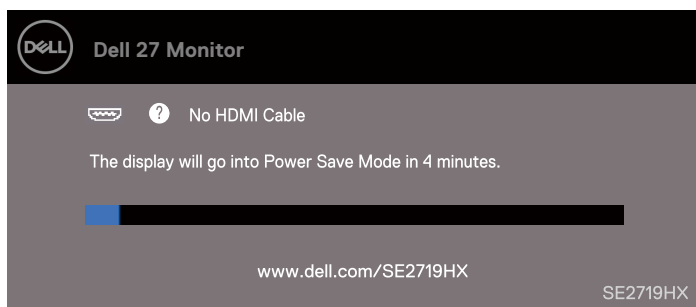




## SE2719H



## SE2719HX




**LƯU Ý:** Hộp này cũng xuất hiện trong khi hoạt động bình thường, khi cáp video bị ngắt kết nối hoặc bị hỏng.

4. Tắt màn hình và kết nối lại cáp video; sau đó bật máy tính và màn hình.

Nếu màn hình của bạn vẫn tối sau khi bạn kết nối lại cáp, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính của bạn.

## Chẩn đoán được tích hợp sẵn

Màn hình của bạn có công cụ chẩn đoán tích hợp giúp bạn xác định xem có bất kỳ màn hình bất thường nào bạn gặp phải không là vấn đề vốn có với màn hình của bạn hoặc với máy tính và card video của bạn.

 **LƯU Ý: Bạn chỉ có thể chạy chẩn đoán tích hợp khi cáp video được rút phích cắm và màn hình ở chế độ tự kiểm tra.**



1

Nhãn	Mô tả
1	Nút 1

Chạy chẩn đoán được tích hợp sẵn:

1. Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có bụi trên bề mặt màn hình).
2. Rút cáp video ra khỏi mặt sau của máy tính hoặc màn hình. Màn hình sau đó đi vào chế độ tự kiểm tra.
3. Nhấn và giữ Nút 1 trong 5 giây. Một màn hình màu xám xuất hiện.
4. Cẩn thận kiểm tra màn hình xem có những bất thường không.
5. Nhấn lại Nút 1 ở phía dưới màn hình. Màu của màn hình chuyển sang màu đỏ.
6. Kiểm tra màn hình xem có bất kỳ bất thường nào không.
7. Lặp lại các bước 5 và 6 để kiểm tra màn hình ở các màn hình màu xanh lá cây, xanh lam, đen, trắng và văn bản.

## Những vấn đề chung

Bảng sau đây chứa thông tin chung về các vấn đề chung về màn hình mà bạn có thể gặp phải và các giải pháp khả thi:

Dấu hiệu thường gặp	Giải pháp khả thi
Không có đèn video/ tắt nguồn LED	<ul style="list-style-type: none"><li>• Đảm bảo rằng cáp video kết nối màn hình và máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.</li><li>• Kiểm tra xem ổ cắm điện có hoạt động đúng cách sử dụng bất kỳ thiết bị điện nào khác không.</li><li>• Đảm bảo rằng nút nguồn được nhấn.</li><li>• Đảm bảo rằng nguồn đầu vào chính xác được chọn thông qua menu <a href="#">Nguồn đầu vào</a>.</li></ul>
Không có đèn video/bật nguồn LED	<ul style="list-style-type: none"><li>• Tăng độ sáng và điều khiển độ tương phản bằng OSD.</li><li>• Thực hiện kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình.</li><li>• Kiểm tra các chân cong hoặc bị gãy trong đầu nối cáp video.</li><li>• Chạy chẩn đoán được tích hợp sẵn.</li><li>• Đảm bảo rằng nguồn đầu vào chính xác được chọn thông qua menu <a href="#">Nguồn đầu vào</a>.</li></ul>
Tiêu điểm kém	<ul style="list-style-type: none"><li>• Loại bỏ các cáp nối dài video.</li><li>• Khởi động lại màn hình về Cài đặt gốc (<b>Factory Reset</b>).</li><li>• Thay đổi độ phân giải video thành tỷ lệ khung hình chính xác.</li></ul>
Video rung/nhiều	<ul style="list-style-type: none"><li>• Khởi động lại màn hình về Cài đặt gốc (<b>Factory Reset</b>).</li><li>• Kiểm tra các yếu tố môi trường.</li><li>• Di chuyển màn hình và thử nghiệm trong phòng khác.</li></ul>
Thiếu pixel	<ul style="list-style-type: none"><li>• Chu kỳ Bật-tắt nguồn.</li><li>• Pixel tắt/vỡnhiễn là một khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD.</li><li>• Để biết thêm thông tin về Chất lượng Màn hình Dell và Chính sách Pixel, hãy xem trang web Hỗ trợ của Dell tại: <a href="http://www.dell.com/support/monitors">www.dell.com/support/monitors</a>.</li></ul>
Mất pixel	<ul style="list-style-type: none"><li>• Chu kỳ Bật-tắt nguồn.</li><li>• Pixel tắt/vỡnhiễn là một khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD.</li><li>• Để biết thêm thông tin về Chất lượng Màn hình Dell và Chính sách Pixel, hãy xem trang web Hỗ trợ của Dell tại: <a href="http://www.dell.com/support/monitors">www.dell.com/support/monitors</a>.</li></ul>
Vấn đề về độ sáng	<ul style="list-style-type: none"><li>• Khởi động lại màn hình về Cài đặt gốc (<b>Factory Reset</b>).</li><li>• Điều chỉnh độ sáng và điều khiển độ tương phản thông qua OSD.</li></ul>
Biến dạng hình học	<ul style="list-style-type: none"><li>• Khởi động lại màn hình về Cài đặt gốc (<b>Factory Reset</b>).</li><li>• Điều chỉnh ngang &amp; dọc thông qua OSD.</li></ul>
Đường ngang/dọc	<ul style="list-style-type: none"><li>• Khởi động lại màn hình về Cài đặt gốc (<b>Khôi phục cài đặt gốc</b>).</li><li>• Thực hiện kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình và xác định xem các dòng này có đang ở chế độ tự kiểm tra hay không.</li><li>• Kiểm tra các chân cong hoặc bị gãy trong đầu nối cáp video.</li></ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Chạy chẩn đoán được tích hợp sẵn.</b></li> </ul>
Vấn đề đồng bộ hóa	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Khởi động lại màn hình về Cài đặt gốc (<b>Factory Reset</b>).</li> <li>• Thực hiện kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem màn hình bị xô lệch có xuất hiện ở chế độ tự kiểm tra hay không.</li> <li>• Kiểm tra các chân cong hoặc bị gãy trong đầu nối cáp video.</li> <li>• Khởi động lại máy tính ở chế độ an toàn.</li> </ul>
Vấn đề liên quan đến an toàn	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Không thực hiện bất kỳ bước khắc phục sự cố nào.</li> <li>• Liên hệ ngay với Dell.</li> </ul>
Các sự cố gián đoạn	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo rằng cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.</li> <li>• Khởi động lại màn hình về Cài đặt gốc (<b>Factory Reset</b>).</li> <li>• Thực hiện kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem sự cố gián đoạn xảy ra ở chế độ tự kiểm tra hay không.</li> </ul>
Thiếu màu	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thực hiện kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình.</li> <li>• Đảm bảo rằng cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.</li> <li>• Kiểm tra các chân cong hoặc bị gãy trong đầu nối cáp video.</li> </ul>
Sai màu	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thay đổi <b>Color Setting Mode (Chế độ Cài đặt Màu)</b> trong Cài đặt Màu OSD thành <b>Graphics (Đồ họa)</b> hoặc <b>Video</b> tùy thuộc vào ứng dụng.</li> <li>• Thử các <b>Preset Modes (Chế độ cài sẵn)</b> khác nhau trong <b>Color (Cài đặt màu) OSD</b>. Điều chỉnh giá trị R/G/B trong <b>Custom Color (Màu tùy chỉnh)</b> trong <b>Color (Cài đặt màu) OSD</b>.</li> <li>• Thay đổi <b>Input Color Format (Định dạng màu đầu vào)</b> thành <b>RGB</b> hoặc <b>YPbPr</b> trong <b>Color (Cài đặt màu) OSD</b>.</li> <li>• <b>Chạy chẩn đoán được tích hợp sẵn.</b></li> </ul>
Giữ lại hình ảnh từ một hình ảnh tĩnh còn lại trên màn hình trong một thời gian dài	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Sử dụng tính năng Quản lý Nguồn để tắt màn hình mọi lúc khi không sử dụng (để biết thêm thông tin, xem <a href="#">Chế độ quản lý nguồn điện</a>).</li> <li>• Ngoài ra, hãy sử dụng trình bảo vệ màn hình thay đổi động.</li> </ul>
Video ghosting hoặc overshooting.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thay đổi <b>Response Time (Thời gian phản hồi)</b> trong <b>Display (Hiển thị) OSD</b> thành <b>Fast (Nhanh)</b> hoặc <b>Normal (Bình thường)</b> tùy thuộc vào ứng dụng và cách sử dụng của bạn.</li> </ul>

## Vấn đề về sản phẩm cụ thể

Triệu chứng cụ thể	Giải pháp khả thi
Hình ảnh màn hình quá nhỏ	<ul style="list-style-type: none"><li>Kiểm tra cài đặt <b>Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)</b> trong <b>Display settings OSD (OSD cài đặt hiển thị)</b>.</li><li>Khởi động lại màn hình về <b>Cài đặt gốc (Factory Reset)</b>.</li></ul>
Không thể điều chỉnh màn hình bằng các nút ở cuối bảng điều khiển	<ul style="list-style-type: none"><li>Tắt màn hình, rút dây nguồn, cắm lại và sau đó bật màn hình.</li></ul>
Không có tín hiệu đầu vào khi điều khiển người dùng được nhấn	<ul style="list-style-type: none"><li>Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ chờ hoặc chế độ ngủ bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn bất kỳ phím nào trên bàn phím.</li><li>Kiểm tra xem cáp video đã được cắm đúng chưa. Ngắt kết nối và kết nối lại cáp video nếu cần.</li><li>Khởi động lại máy tính hoặc trình phát video.</li></ul>
Hình ảnh không lấp đầy toàn bộ màn hình	<ul style="list-style-type: none"><li>Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của DVD, màn hình có thể hiển thị toàn màn hình.</li><li>Chạy chẩn đoán được tích hợp sẵn.</li></ul>

# Phụ lục

---

## Những chỉ dẫn an toàn

**⚠ CẢNH BÁO:** Việc sử dụng các điều khiển, điều chỉnh, hoặc các quy trình khác với các quy định trong tài liệu này có thể dẫn đến sập điện giạt, nguy hiểm điện và / hoặc các nguy cơ cơ học.

Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, hãy xem Hướng dẫn thông tin sản phẩm.

## Thông báo FCC (Chỉ có ở Hoa Kỳ) và thông tin pháp lý khác

Để biết thông báo FCC và thông tin pháp lý khác, hãy xem trang web tuân thủ quy định tại [www.dell.com/regulatory\\_compliance](http://www.dell.com/regulatory_compliance).

## Liên hệ với Dell

Đối với khách hàng ở Hoa Kỳ, hãy gọi 800-WWW-DELL (800-999-3355).

**✍ LƯU Ý:** Nếu bạn không có kết nối Internet đang hoạt động, bạn có thể liên hệ với thông tin trên hóa đơn mua hàng, phiếu đóng gói,

Dell cung cấp một số tùy chọn dịch vụ và hỗ trợ trên nền tảng trực tuyến và điện thoại. Tình trạng sẵn có thay đổi theo quốc gia và sản phẩm, và một số dịch vụ có thể không có sẵn trong khu vực của bạn.

Để nhận nội dung hỗ trợ Màn hình trực tuyến:

1. Truy cập [www.dell.com/support/monitors](http://www.dell.com/support/monitors).

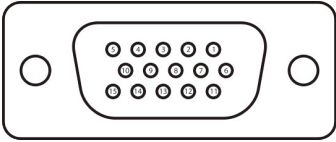
Để liên hệ với Dell về bán hàng, hỗ trợ kỹ thuật hoặc các vấn đề dịch vụ khách hàng:

1. Truy cập [www.dell.com/support](http://www.dell.com/support).
2. Xác minh quốc gia hoặc khu vực của bạn trong trình đơn thả xuống Chọn quốc gia/khu vực ở cuối trang.
3. Nhấp vào Liên hệ với chúng tôi ở phía bên trái của trang.
4. Chọn dịch vụ thích hợp hoặc liên kết hỗ trợ dựa trên nhu cầu của bạn.
5. Chọn phương thức liên hệ với Dell thuận tiện cho bạn.

**⚠ CẢNH BÁO:** Đối với các màn hình có khung bezels bóng, người dùng nên xem xét vị trí của màn hình bởi vì khung bezel có thể gây các phản xạ đáng kể từ các đèn và bề mặt sáng xung quanh.

## Phân bổ chân

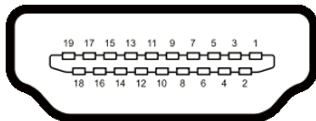
Đầu nối D-Sub15 chân



Số chân	Phân bổ tín hiệu
1	Video-Đỏ
2	Video-Xanh lá
3	Video-Xanh nước biển
4	GND
5	Tự kiểm tra
6	GND-R
7	GND-G
8	GND-B
9	DDC +5 V
10	Đồng bộ GND
11	GND
12	Dữ liệu DDC
13	Đồng bộ H-
14	Đồng bộ V
15	Đồng hồ DDC

## Phân bổ chân

Đầu nối HDMI 19 chân



Số chân	Phân bổ tín hiệu
1	TMDS DATA 2+
2	TẮM CHẮN BẢO VỆ TMDS DATA 2+
3	TMDS DATA 2-
4	TMDS DATA 1+
5	TẮM CHẮN BẢO VỆ TMDS DATA 1+
6	TMDS DATA 1-
7	TMDS DATA 0+
8	TẮM CHẮN BẢO VỆ TMDS DATA 0+
9	TMDS DATA 0-
10	TMDS CLOCK+
11	TẮM CHẮN BẢO VỆ ĐỒNG HỒ TMDS CLOCK
12	TMDS CLOCK-
13	CEC
14	Dành riêng (N.C. trên thiết bị)
15	ĐỒNG HỒ DDC CLOCK (SCL)
16	DỮ LIỆU DDC DATA (SDA)
17	Tiếp địa DDC/CEC
18	NGUỒN +5V
19	PHÁT HIỆN PHÍCH CẢM NÓNG